Các nguyên tắc phát triển tín lý và thực tại của chúng hiện nay

Trên trang mạng của thông tấn xã Catholic World Report, ngày 18 tháng 1 năm 2024, Cha Thomas G. Weinandy, OFM., Cap. (Đại học Capuchin, Washington DC), Thành viên của Ủy ban Thần học Quốc tế, Chủ tịch Học viện Thần học Công giáo, và là thành viên của Hiệp hội Thần học Công giáo Hoa Kỳ, Hiệp hội các học giả Công giáo, Hiệp hội Thần học Công giáo Anh, Hiệp hội Giáo phụ Bắc Mỹ và Hiệp hội Quốc tế D'Etudes Patristiques, nhận định rằng với sự trình bày sai lầm hiện nay về những gì tạo nên sự phát triển chân thực và đích thực về mặt tín lý và luân lý, sẽ rất hữu ích khi xem xét những gì Đức Hồng Y Newman dạy, cũng như cách thức và lý do nó cực kỳ phù hợp trong bối cảnh giáo hội đầy tranh cãi ngày nay.

Hiện nay, trong Giáo hội Công giáo, có nhiều cuộc thảo luận liên quan đến việc phát triển tín lý. Theo truyền thống, việc phát triển tín lý được hiểu là sự phát triển đích thực trong sự hiểu biết và trình bày rõ ràng của Giáo hội về những gì luôn được tin và giảng dạy.

Đức Hồng Y John Henry Newman là một trong những người đầu tiên đưa ra sự hiểu biết này về sự phát triển tín lý đích thực. Trong cuộc thảo luận đương thời về bản chất của sự phát triển tín lý, lời dạy của Newman thường được viện dẫn. Tuy nhiên, đôi khi một số nhà thần học và một số giám mục đưa ra quan điểm cho rằng những gì trước đây được coi là ràng buộc đức tin đối với tất cả các thành viên của Giáo hội thì nay không còn khả thi và chính đáng nữa. Rằng giáo huấn của Giáo hội cần phải được thay đổi trước những thay đổi về xã hội học, triết học và thần học hiện đang diễn ra trong Giáo hội và xã hội. Tuy nhiên, những thay đổi về tín lý và đạo đức được cho là cần thiết lại được khẳng định là những phát triển hợp pháp về mặt tín lý và đạo đức, mặc dù chúng có thể mâu thuẫn với những gì đã được giảng dạy từ lâu đời. Bởi vì những thay đổi này mang tính cách mạng về bản chất, nên những người thúc đẩy chúng nói về một "sự thay đổi mô hình", tức là một sự thay đổi hoàn toàn từ tập hợp niềm tin này sang tập hợp niềm tin khác.

Với sự trình bày sai lầm hiện nay về những gì tạo nên sự phát triển chân thực và đích thực về mặt tín lý và luân lý, một sự bóp méo gây nhầm lẫn giữa các tín hữu, sẽ rất hữu ích khi xem xét những gì Đức Hồng Y Newman dạy, cũng như cách thức và lý do nó cực kỳ phù hợp trong bối cảnh giáo hội đầy tranh cãi ngày nay.

Khi xem xét tư tưởng và bài viết của một vĩ nhân, thật khó để tìm ra điểm xuất phát, vì tư tưởng của ngài tương xứng với chính con người đó. Đức Hồng Y John Henry Newman là một người như vậy. Vì vậy, để hiểu được tác phẩm có uy tín và có ảnh hưởng lớn của Newman, *Tiểu luận về sự phát triển học thuyết Kitô giáo*, người ta cần phải biết, ít nhất một phần, hành trình trí thức của ngài – một chuyến hành trình đưa ngài đến với Giáo hội

Công giáo, một việc mà bài viết của ngài về sự phát triển tín lý Kitô giáo là một công cụ không thể thiếu.

Cuộc đời của Newman: Sự phát triển tính cách và tư duy của ngài

Sinh năm 1801, Newman là con cả trong gia đình có sáu người con. Định hướng tôn giáo ban đầu của ngài là hướng tới chủ nghĩa Calvin và chủ nghĩa chính thống cực đoan [fundamentalism]. Tuy nhiên, vào năm 1816, trong thời gian bị bệnh kéo dài 5 tháng, Newman đã trải qua điều mà sau này ngài gọi là một sự hoán cải. Trong thời gian dưỡng bệnh, nhờ đọc sách và cầu nguyện, Newman đã có được nhận thức sâu xa về sự hiện diện của Thiên Chúa, cũng như lòng yêu mến các Giáo phụ và đời sống trí thức. Vào thời điểm này, ngài cũng phát triển nỗi sợ hãi và ghê tởm mãnh liệt đối với Công giáo Rôma và Đức Giáo hoàng. Tất cả những trải nghiệm hình thành tính cách này là một thành tựu khá lớn đối với một chàng trai trẻ 15 tuổi.

Đầu tiên Newman học tại Oxford và sau đó trở thành Nghiên cứu sinh của trường Cao đẳng Oriel. Ngài cũng được thụ phong linh mục Anh giáo. Ngoài việc giảng dạy, Newman còn là nhà truyền giáo được tuyển chọn tại St. Mary the Virgin, nhà thờ của trường đại học. Ngay sau khi ngài trở về từ chuyến đi châu Âu, một dự luật về việc giải tán Giáo hội Anh đã được đưa ra trước Quốc hội. Trong bối cảnh chính trị và giáo hội này, Newman, Richard Hurrell Froude (1803–36), John Keble (1792–1866), và Edward Pusey (1800–82), đã bắt tay vào việc viết *Các Luận văn cho Thời báo*, và qua đó đã khởi xướng điều sẽ được gọi là Phong trào Oxford. Trong số 90 luận văn cuối cùng được viết, Newman đã viết 26 luận văn, nổi tiếng nhất là luận văn cuối cùng – Luận văn 90.

Trong thời kỳ này, mặc dù đã cố gắng tìm kiếm một *Via Media* (trung đạo) giữa Thệ phản cấp tiến trong Giáo hội Anh giáo và các thoái hóa của Giáo hội Công giáo thời trung cổ, Newman ngày càng nghi ngờ về tính hợp pháp của Giáo hội Anh giáo. Tuy nhiên, ngài đã tìm cách tìm tính hợp pháp ấy cho *Via Media* của mình nơi các Giáo phụ và các Công đồng đầu tiên. Ngài hy vọng khám phá ra rằng điều mà Giáo Hội ban đầu chủ trương là chủ trương trung gian giữa các tà giáo khác nhau bị đối đầu vào thời điểm đó, và nếu đúng như vậy, Giáo hội Anh, còn trung thành với thời cổ đại, đã được thành lập trên nền tảng chính thống vững chắc. Tuy nhiên, càng nghiên cứu lịch sử thần học của Giáo Hội tiên khởi, Newman càng bị ám ảnh bởi một câu hỏi đáng lo ngại. Tại sao Rôma luôn đứng về phía đúng khi ủng hộ các học thuyết đích thực của Giáo hội? Dần dần, kết luận tất yếu đã hiện ra trong đầu ngài. Bên này đúng vì Roma đã ở bên đó.

Điều càng đẩy Newman ra khỏi di sản Anh giáo của mình và hướng tới Giáo hội Công giáo là phản ứng thâm độc và thường ác ý đối với những gì ông đề xuất trong Luận văn 90. Trong Luận văn cuối cùng này, Newman muốn chứng minh rằng Ba mươi chín tín điều của Giáo hội Anh, tức là các tín lý nền làm nền tảng cho đức tin của Giáo hội Anh giáo, nhằm vào những thoái hóa trong Giáo hội Công giáo vào thời kỳ Cải cách. Tuy nhiên, Newman lập luận rằng các tín điều này khá tương thích và dung hòa với các tín lý được ban hành tại

Công đồng Trent. Theo cách giải thích này, Anh giáo không phải là một hình thức của Thệ Phản, mà thay vào đó thực sự là Công giáo trong bản chất. Tuy nhiên, các nhà thần học và giám mục của phe Thệ Phản, của cánh cấp tiến trong Giáo hội Anh rất tức giận. Không những họ chê bai và chỉ trích sự hiểu biết Công giáo của Newman về Giáo hội Anh giáo, mà còn chỉ trích và phỉ báng ngài. Để đối phó với những hành động tiêu cực bộc phát như vậy, Newman đã tìm nơi ẩn náu bằng cách lui về Littlemore, một ngôi làng nhỏ ở ngoại ô Oxford. Trước khi tiếp tục những gì đã diễn ra ở đó trong khoảng thời gian từ 1841-1845, một vài nhận xét về bản chất của sự phát triển tín lý đang diễn ra trong Giáo hội Công giáo có thể có ích.

Newman đã cố gắng hết sức để chứng minh rằng Giáo hội Anh yêu quý của ông cũng tuyên xưng đức tin giống như đức tin của Giáo Hội thời cổ đại và tiếp tục được thừa nhận trong suốt nhiều thế kỷ tiếp theo cho đến tận thời của ngài. Bằng cách chứng minh như vậy, Newman cảm thấy mình có thể chứng thực tính hợp pháp về mặt lịch sử và thần học của Giáo hội Anh giáo. Bất kể những thay đổi nào có thể xảy ra trong suốt nhiều thế kỷ, những sửa đổi như vậy là những phát triển đích thực phù hợp với dòng truyền thừa Công giáo cổ xưa của nó. Trong khi ông muốn chứng minh tính liên tục về mặt thần học và giáo hội giữa Giáo hội Anh giáo vào thời của ông và Giáo hội thời xa xưa, điều khiến Newman ngạc nhiên là thành phần Thệ Phản, cấp tiến, trong cộng đồng Anh giáo lại muốn xác nhận điều hoàn toàn ngược lại. Đúng vậy, họ tuyên xưng đức tin cổ xưa của Giáo hội tiên khởi, nhưng họ cũng tin rằng họ đã đúng khi bác bỏ những yếu tố dị giáo đã tìm đường vào Giáo hội Rôma. Như thế, cách giải thích của họ về sự phát triển tín lý và giáo hội diễn ra qua nhiều thế kỷ là một cách giải thích gián đoạn chứ không chỉ đơn giản là một cách giải thích liên tục.

Hiện nay trong Giáo hội Công giáo, có những nhà thần học, linh mục và giám mục muốn bắt chước những gì Thệ Phản và Anh giáo đã làm trong quá khứ. Họ mong muốn thay đổi giáo huấn về tín lý và luân lý của Giáo hội theo cách không liên tục với giáo huấn thần học, công đồng và huấn quyền lâu đời của Giáo hội. Hơn nữa, giống như những người Thệ Phản cấp tiến trong Giáo hội Anh giáo thời Newman, họ không coi những thay đổi đó là dị giáo mà là những phát triển hợp pháp về mặt tín lý và đạo đức phù hợp với các trào lưu xã hội, triết học và thần học ngày nay. Vì các cuộc cải cách Thệ Phản và Anh giáo không được thành lập dựa trên việc đổi mới những gì đã luôn được tin tưởng, mà dựa trên hệ tư tưởng [Zeitgeist] văn hóa hiện tại của thời đại, nên "các nhà cải cách Công giáo" đương thời, trong khi gật đầu với quá khứ, đã hoàn toàn chấp nhận hệ tư tưởng [Zeitgeist] văn hóa ngày nay, một tinh thần đi ngược lại Tin Mừng cũng như giáo huấn tín lý và đạo đức được chứa đựng và phát triển từ đó. Những "nhà cải cách" này, trái ngược với ý định đã được bày tỏ của Newman, đưa ra một lý thuyết theo đó sự phát triển tín lý là không liên tục, vì chỉ một đề xuất không liên tục với quá khứ mới là một sự phát triển thực sự. Nếu những gì được đề xuất tiếp tục với quá khứ thì nó sẽ không phải là một sự phát triển mà chỉ là sự lặp lại những gì đã có trước đó. Với sự phân tích và phê bình sơ bộ về cuộc thảo luận hiện tại về sự phát triển tín lý trong Giáo hội Công giáo dưới ánh sáng tư tưởng của Newman, giờ đây

chúng ta có thể xem xét những gì ngài đề xuất trong chuyên luận của mình: *Một Tiểu luận về sự Phát triển Tín lý Kitô giáo*.

Newman: Về sự Phát triển của Tín lý Kitô giáo

Khi nghiên cứu cuốn sách của Newman về sự phát triển học thuyết, người ta phải nhớ rằng khảo luận của ngài có bản chất lịch sử chứ không phải là một tác phẩm triết học hay thậm chí, theo một nghĩa nào đó, là một tác phẩm thần học. Bằng cách xem xét Giáo Hội cổ thời và ghi nhận sự phát triển tín lý thời đó, chỉ khi đó người ta mới có thể đưa ra một lý thuyết về bản chất của sự phát triển tín lý. Hơn nữa, người ta cũng phải biết rằng luận văn của Newman có hai phiên bản. Phiên bản đầu tiên, được xuất bản năm 1845 vào thời điểm ngài trở lại đạo, và sau đó, vào năm 1878, là phiên bản sửa đổi. (Tôi sẽ chỉ trích dẫn từ ấn bản sửa đổi.) Trong phần Dẫn nhập vào Luận văn của mình, Newman đã viết rằng giả thuyết của ngài là coi xã hội của các Kitô hữu mà các Tông đồ để lại trên trái đất là thuộc một tôn giáo mà các Tông đồ đã làm họ trở lại; rằng tính liên tục bên ngoài của tên gọi, tuyên xưng và sự hiệp thông lập luận cho tính liên tục thực sự của tín lý; rằng khi Kitô giáo bắt đầu bằng cách tự biểu lộ dưới một hình dạng nhất định và hướng tới toàn thể nhân loại, nó đã tiếp tục như vậy để tự biểu lộ mình.

Vì vậy, Newman tin rằng Kitô giáo vào thời của ngài cũng giống như Kitô giáo của Giáo hội tiên khởi về mặt tín lý. Ngài đã "thừa nhận rằng trên thực tế có một số biến thể nhất định trong giáo huấn của nó, cần phải được giải thích," tuy nhiên, ngài sẽ cố gắng "giải thích chúng để giải tỏa giáo huấn đó ở điểm thống nhất, tính trực tiếp và tính nhất quán."

Newman nhấn mạnh rằng vấn đề các biến thể xảy ra trong giáo huấn của Giáo hội qua nhiều năm không thể giải quyết được bằng cách cho rằng có sự gián đoạn so với những gì đã được giảng dạy trong quá khứ. Newman nghĩ rằng quan điểm như vậy sẽ làm suy yếu tính toàn vẹn của chính sự thật được mạc khải. Trong ánh sáng này, Newman lập luận rằng sự thật được mặc khải tự nó đòi phải phát triển tín lý:

Sự gia tăng và mở rộng Tín điều và nghi lễ Kitô giáo, cũng như những biến thể tham gia vào quá trình này trong trường hợp của từng nhà văn và Giáo hội, là những người phục vụ cần thiết cho bất cứ triết lý hay chính thể nào chiếm hữu trí hiểu và trái tim, và đã có bất cứ quyền thống trị rộng rãi hoặc mở rộng nào; rằng, theo bản chất của tâm trí con người, thời gian là cần thiết để hiểu biết đầy đủ và hoàn thiện những ý tưởng vĩ đại; và những sự thật cao cả và tuyệt vời nhất, mặc dù được truyền đạt đến thế giới một lần vĩnh viễn bởi những người thầy đầy cảm hứng, nhưng người nhận không thể hiểu được ngay lập tức, mà thông qua các phương tiện truyền thông nhân bản, nhưng cần thời gian lâu dài hơn và suy nghĩ sâu sắc hơn để hiểu đầy đủ. Đây có thể được gọi là *Lý thuyết phát triển tín lý*.

Trong câu dài và phức tạp này, chúng ta tri nhận rằng Newman cho rằng các sự thật, đặc biệt các sự thật mặc khải, như được tìm thấy trong kinh thánh và truyền thống của Giáo hội, tự bản chất của chúng, không thể được hiểu đầy đủ ngay lập tức. Chỉ với thời gian, sau

khi được suy gẫm và nghiên cứu bằng nhiều cách khác nhau, người ta mới có được sự hiểu biết đầy đủ hơn. Đây là một quá trình trí thức ngày càng phát triển của cả trái tim lẫn khối óc. Do đó, sự thật mặc khải không ngừng phát triển trong sự hiểu biết tín lý của nó. Bản thân sự thật không thay đổi, nhưng sự hiểu biết sâu hơn về đức tin của Giáo hội cần phải tiến bộ.

Sự cần thiết của một cơ quan có thẩm quyền không thể sai lầm

Sau khi xác lập sự cần thiết của việc phát triển tín lý, Newman đưa ra vấn đề làm thế nào người ta có thể phân biệt sự phát triển tín lý đích thực với sự phát triển tín lý sai lầm hoặc không xác thực đó. Ở đây, hơi ngạc nhiên một chút, Newman đưa ra một nguyên tắc nền tảng sẽ chi phối tất cả các tiêu chuẩn khác để xác nhận sự phát triển tín lý đích thực. Mặc dù sự mặc khải của Thiên Chúa được tìm thấy trong kinh thánh, nhưng cách giải thích đúng đắn về nó phải được đảm bảo theo thời gian. Hơn nữa, Kitô giáo sống trong một thế giới của lịch sử, chính trị, hệ tư tưởng, văn hóa và triết học, tuy nhiên, sự mặc khải và ơn cứu độ chứa đựng trong đó không được xếp vào bất cứ hệ tư tưởng chính trị hay triết học nào. Vậy ai là người bảo vệ thánh kinh và giáo huấn của Giáo hội khỏi những diễn giải sai lầm, và ai là người chứng thực sự phát triển tín lý đích thực? Đối với Newman, phải có một cơ quan có thẩm quyền có thể đánh giá một cách chắc chắn điều gì là sự phát triển đúng và điều gì là sự phát triển sai. Với suy nghĩ trên, Newman khẳng định rằng huấn quyền sống động, dưới sự hướng dẫn của Thiên Chúa, do đó được coi là bắt buộc. Bác bỏ một thẩm quyền không thể sai lầm, theo thời gian, chắc chắn sẽ dẫn đến việc tan vỡ của hiệp nhất. Sự phá vỡ như vậy được quan sát thấy trong trường hợp của Thệ Phản, nếu không thì nguyên tắc tín điều bị vi phạm, như trong Anh giáo, đến mức dung túng, trong cùng một cộng đồng, mọi loại ý kiến trái ngược nhau. Vì vậy, cuối cùng, đối với Newman, niềm tin được thiết lập dựa trên thẩm quyền, đầu tiên là thẩm quyền của Chúa Giêsu Kitô với tư cách là người đứng đầu Giáo hội, và sau đó, dựa trên thẩm quyền không thể sai lầm của Giáo hội, mà Newman tin rằng được tìm thấy trong Giáo Hội Công giáo Rôma. Lịch sử đã chứng minh một kết luận như vậy. Chỉ trong Giáo hội Công giáo người ta mới tìm thấy sự phát triển đích thực liên tục đi đôi với giáo huấn không thể sai lầm.

Tuy nhiên, Newman đưa ra một giả thuyết, mặc dù đáng sợ. Điều gì sẽ xảy ra nếu một công đồng hoặc một giáo hoàng dạy một học thuyết mâu thuẫn với một công đồng hoặc giáo hoàng trước đó? Nếu điều đó từng xảy ra, Newman kết luận rằng khái niệm phát triển tín lý sẽ hoàn toàn tan vỡ, vì khi đó ai có thể đánh giá điều gì được mặc khải một cách đích thực và điều gì không? Giả thuyết đáng báo động của Newman ngày nay không còn mang tính giả thuyết nữa. Mặc dù bản thân vị giáo hoàng hiện nay không công khai mâu thuẫn với giáo huấn truyền thống của giáo quyền về đức tin và luân lý, nhưng ngài đã cho phép những người khác – các thượng hội đồng khu vực và hoàn vũ, các linh mục, giám mục, thậm chí cả hồng y – đề xuất những giáo huấn đi ngược lại một cách trắng trợn những gì Giáo hội đã dạy từ lâu đời. Đôi khi, ngài đã bày tỏ sự không đồng tình bằng lời nói, nhưng ngài vẫn chưa thực hiện bất cứ hành động chính thức nào chống lại sự dạy dỗ sai lầm như vậy. Đúng hơn, và đáng lo ngại hơn, ngài đã kết bạn và ủng hộ những người cổ vũ những

quan niệm trái ngược với đức tin. Ngài đã hội họp với họ, qua đó, ngài khuyến khích họ và đề nghị hỗ trợ cho các thừa tác vụ đáng ngờ của họ, các thừa tác vụ ủng hộ đồng tính luyến ái, chuyển giới, tránh thai và phá thai. Hơn nữa, những người phổ biến giáo huấn trái ngược với giáo lý trước đây của Giáo hội đều làm như vậy dưới chiêu bài rằng giáo huấn mới lạ đó là một sự phát triển tín lý. Newman sẽ kinh hoàng và cảm thấy bị xúc phạm trước hành vi của giáo hoàng như vậy. Như sẽ sớm được thấy, ngài sẽ đưa ra những nguyên tắc khiến những tuyên bố sai lầm như vậy về sự phát triển tín lý trở thành không thể đứng vững được.

Ở đây tôi sẽ đưa ra một luận đề mà Newman chưa xem xét. Ngài cho rằng tất cả các giáo huấn của giáo hoàng hay giáo huấn của các giám mục liên quan đến tín lý và luân lý đều mang tính huấn quyền. Tôi đề nghị rằng bất cứ giáo huấn nào của giáo hoàng hoặc giáo huấn nào của các giám mục mâu thuẫn một cách công khai và cố ý với giáo huấn lâu đời của các công đồng và giáo hoàng trước đó đều không phải là giáo huấn của huấn quyền, chính vì nó không nằm trong giáo huấn tín lý huấn quyền trước đây. Do tính cần thiết của chức vụ mình, Giáo hoàng hoặc giám mục có thể là thành viên của huấn quyền, nhưng giáo huấn của ngài, nếu mâu thuẫn với giáo huấn huấn quyền đã được tiếp nhận trước đó, thì không phải là giáo huấn huấn quyền. Việc giảng dạy sai lầm như vậy đơn giản là không đáp ứng được các tiêu chuẩn cần thiết để trở thành huấn quyền. Nó không có thế giá có thẩm quyền của giáo hội. Đúng hơn, nó chỉ đơn giản là một tuyên bố mơ hồ hoặc thiếu sót cố gắng hoặc giả vờ có thẩm quyền trong khi thực tế không phải vậy.

Bảy Nguyên Tắc Phát Triển Tín Lý Đích Thực của Newman

Để phán đoán giá trị của một việc phát triển, Newman đã biên soạn bảy tiêu chuẩn hoặc nguyên tắc phải có trong mọi sự phát triển tín lý đích thực. Những nguyên tắc như vậy cực kỳ phù hợp với việc lạm dụng khái niệm phát triển tín lý trong Giáo hội ngày nay.

Duy trì loại hình (type)

Tiêu chuẩn đầu tiên của Newman là "duy trì loại hình". Đối với Newman, việc duy trì loại hình này dễ dàng được đề xuất ngay trong chính tự nhiên. Trong khi một con vật lớn lên, chẳng hạn như một con chó, nó vẫn là con vật đó, con chó, từ đầu đến cuối. Vì vậy, đối với Newman, mặc dù các tín lý có thể phát triển nhưng chân lý cốt lõi thiết yếu của chúng vẫn giữ nguyên trong suốt quá trình phát triển. Những người coi sự phát triển tín lý là sự thay đổi từ niềm tin này sang niềm tin khác vi phạm tiêu chuẩn đầu tiên này, giống như một con chó phát triển bằng cách trở thành một con mèo.

Tính liên tục của các nguyên tắc

Tiêu chuẩn thứ hai vốn có trong sự phát triển tín lý khá phức tạp. Newman gọi đó là "sự liên tục của các nguyên tắc". Những nguyên tắc này là những động lực nội tâm thúc đẩy

việc phát triển tín lý và chúng tìm thấy nguồn gốc của chúng trong Nhập Thể. Newman liệt kê mười:

1. Nguyên tắc tín điều, tức là sự mặc khải các chân lý siêu nhiên.

2. Nguyên tắc đức tin, tức là sự thuận ý của một người đối với chân lý mặc khải.

3. Nguyên tắc thần học hoặc nghiên cứu khoa học về mặc khải.

4. Nguyên tắc bí tích đòi hỏi, vì Nhập Thể, những việc thực hiện ơn cứu độ hữu hình trong suốt lịch sử.

5. Ý nghĩa huyền nhiệm của thánh kinh, tức là thánh kinh bộc lộ nhiều điều hơn những gì thoạt nhìn thấy một cách biểu kiến.

6. Nguyên tắc ân sủng hay việc biến con người trở nên giống Chúa Kitô.

7. Nguyên tắc khổ hạnh hay sự cần thiết phải hãm mình và cầu nguyện.

8. Nguyên tắc về ác tính của tội lỗi.

9. Nguyên tắc vật chất có khả năng thánh hóa.

10. Nguyên tắc phát triển, nghĩa là sự hiểu biết về sự mặc khải của một người cần phải tăng trưởng.

Nhiều tà giáo khác nhau đã phủ nhận nguyên tắc này hay nguyên tắc khác. Chẳng hạn, Luther và Calvin phủ nhận bản chất bí tích của Giáo Hội; phái Manikêô phủ nhận việc thánh hóa vật chất; và người theo chủ nghĩa Hiện đại phủ nhận những sự thật mặc khải.

Ngày nay, vì những tiến bộ về xã hội học, tâm lý học và triết học, có những nhà thần học, linh mục và giám mục cho rằng những phát triển trong quá khứ phải nhường chỗ cho một loạt học thuyết hoàn toàn mới, những học thuyết trái ngược với những gì đã được chủ trương trước đây. Do đó, họ sẽ thấy các nguyên tắc của Newman không theo ý thích của họ, vì mục đích chính của những nguyên tắc này là đảm bảo tính liên tục về mặt tín lý trong suốt thời gian. Những người như vậy muốn phủ nhận rằng có những chân lý được mặc khải mang tính tín điều mà các tín hữu phải luôn luôn đồng ý tuyệt đối. Thí dụ, trong nhu cầu nhận thức của họ về một sự thay đổi mô hình, giờ đây các "học thuyết" mới sẽ được chấp thuận, và mục đích của thần học sẽ là xác định chắc chắn những học thuyết và chuẩn mực đạo đức mới đó sẽ là gì, những học thuyết và chuẩn mực đạo đức đó sẽ được khám phá trong một cách giải thích kinh thánh cách sáng tạo. Hơn nữa, do sự biến đổi căn bản của văn hóa, những tội lỗi được coi là tội trọng, nhiều tội trong số đó có bản chất tình dục, giờ đây được cho là thăng tiến sự thánh thiện - nếu được thực hiện trong tình yêu thương. Sự hiểu biết như vậy có bản chất ngộ đạo. Cơ thể không được coi là yếu tố tạo nên

việc con người là ai, danh tính của con người là gì. Đúng hơn, người ta "sử dụng" cơ thể của mình để trở thành con người mà họ mong muốn đích thực trở thành - chẳng hạn như một kẻ kê gian, một kẻ gian dâm, một kẻ ngoại tình hoặc một người chuyển giới. Vì vậy, việc trở nên giống Chúa Kitô đầy ân sủng có nghĩa gì đã thay đổi tận gốc. Những gì trước đây bị coi là sự bóp méo tội lỗi hình ảnh giống Chúa Kitô của người ta giờ đây trở thành đồng hình đồng dạng mẫu mực và thích hợp theo hình ảnh của Người. Mặc dù những điều trên có thể khiến các tín hữu Công giáo, cả giáo sĩ lẫn giáo dân, thấy kỳ quặc, nhưng những người thúc đẩy một sự thay đổi mang tính cách mạng như vậy trong việc phát triển tín lý, và do đó bác bỏ triệt để các nguyên tắc của Newman về một sự phát triển tín lý đích thực, đều tin chắc rằng nghị trình của họ là lợi thế cho tương lai của Giáo Hội. Một lần nữa, những người Công giáo nào bác bỏ một nghị trình duy tương lai như vậy bị chế giễu là cứng ngắc và lạc hậu.

Sức mạnh để đồng hóa

Tiêu chuẩn thứ ba của Newman để xác định sự phát triển tín lý Kitô giáo đúng đắn là khả năng đồng hóa. Sau khi tranh luận gay gắt chống lại những gì không thể đồng hóa vào sự phát triển tín lý mà không làm suy yếu chính tín lý, thoạt đầu, có vẻ kỳ lạ khi Newman giờ đây lại khẳng định rằng sự đồng hóa là cần thiết cho sự phát triển tín lý. Đối với Newman, giống như thiên nhiên, chẳng hạn như một cái cây, hấp thụ các yếu tố xa lạ để phát triển, chẳng hạn như nước và khoáng chất, vì vậy Giáo hội và các tín lý của Giáo Hội cũng thẩm hóa các yếu tố mà thoạt đầu là xa lạ. Thí dụ, Giáo hội hòa nhập các phong tục khác nhau của các dân tộc trên khắp thế giới hoặc tích hợp các chân lý khác nhau được tìm thấy trong các triết lý khác nhau hoặc thích nghi các hình thức cai trị khác nhau tùy thuộc vào nơi nó hiện hữu. Điều quan trọng là, giữa vô số sự thẩm hóa này, Giáo hội không đánh mất bản sắc của mình cũng như không thay đổi các tín lý của mình bởi những sự thích nghi như vậy. Đúng hơn, bằng cách tuân theo nhưng sáng suốt đối với môi trường trong đó nó hiện hữu, rào cản dễ dàng gắn kết chính nó và các tín lý của nó vào trong mọi môi trường văn hóa và chính trị và giữa mọi dân tộc. Đối với Newman, điều không thể xảy ra là văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau hoặc chính thể của một quốc gia cụ thể hấp thụ Giáo hội và làm như vậy làm suy yếu tính toàn vẹn của giáo lý của Giáo hội. Đây là một vấn đề trực tiếp đối với Newman, vì đây chính xác là những gì đã diễn ra ở Anh. Giáo hội Công giáo trở thành Giáo hội Anh, và do đó nằm dưới quyền của chính phủ Anh.

Ngày nay, ở hầu hết các quốc gia dân chủ, nơi có sự tách biệt thích hợp giữa Giáo Hội và nhà nước và quyền tự do tôn giáo, Giáo hội có thể duy trì bản sắc toàn diện và duy trì các chân lý tín lý của mình. Tuy nhiên, những người mong muốn thay đổi giáo huấn của Giáo hội, nhân danh việc phát triển tín lý, thường yêu cầu sự hỗ trợ từ chính phủ tương ứng. Họ làm như vậy vì họ nhận ra rằng sự hỗ trợ như vậy sẽ không đến từ chính Giáo hội. Những kẻ dị giáo trong quá khứ thường tham gia vào loại hành vi có tính lật đổ này. Ariô và những người theo chủ nghĩa Arianô của thế kỷ thứ tư đã ra lệnh cho hoàng đế bách hại các giám mục và linh mục ủng hộ tín điều của Công đồng Nixêa. Tương tự, phái Lutherô đã trở thành quốc giáo ở nhiều nơi nước Đức và phái Calvin đã trở thành quốc giáo ở Geneva.

Tương tự như vậy, ngày nay, có những người khuyến khích chính phủ, thường là lén lút, ban hành những luật lệ nhằm cố gắng buộc Giáo hội thay đổi giáo huấn của mình, chẳng hạn, buộc các bệnh viện Công giáo phải thực hiện phá thai hoặc thắt ống dẫn tinh, hoặc cung cấp các biện pháp ngừa thai. Tương tự như vậy, nhân danh bình đẳng giới tính, họ kêu gọi các chính phủ ban hành luật ép buộc Giáo hội truyền chức bí tích cho phụ nữ, kẻo Giáo hội vi phạm luật. Hình thức bách hại nhẹ nhàng này có thể đáng lo ngại, tuy nhiên Giáo hội không thể hòa giải với nền văn hóa hiện tại với hy vọng đạt được một cuộc chung sống hòa bình. Làm như vậy sẽ là từ bỏ tín lý của mình.

Trình tự hợp luận lý

Tiêu chuẩn thứ tư để xác định sự phát triển tín lý Kitô giáo đúng đắn là tính trình tự hợp luận lý. Theo trình tự hợp luận lý, Newman không muốn nói một trình tự có thể được suy luận theo kiểu tam đoạn luận. Đúng hơn, khi nhận thức được kết quả của một diễn trình, người ta hiểu rằng nó bắt nguồn từ những gì xảy ra trước nó một cách hợp luận lý. Newman đưa ra thí dụ về thiên tính của Chúa Giêsu. Từ bằng chứng Kinh thánh, người ta không thể kết luận một cách tam đoạn luận rằng Chúa Giêsu là Thiên Chúa, tuy nhiên, khi xem xét tất cả những gì được công bố liên quan đến Người trong Tân Ước, thật hợp luận lý khi kết luận rằng Người thực sự là Con thần thiêng của Chúa Cha. Hai thí dụ nữa có thể minh họa nguyên tắc này, những thí dụ liên quan đến tín lý Đức Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội và việc Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, cả hồn lẫn xác, đều không được Kinh thánh tuyên bố rõ ràng. Tuy nhiên, qua nhiều thế kỷ, lòng sùng kính Đức Maria đã tiến triển đến mức, vì Đức Maria là Mẹ Thiên Chúa, nên việc tin rằng Đức Maria được thụ thai vô tội và được rước về trời một cách vinh quang là điều đúng đắn và chính đáng. Có một luận lý cố hữu đối với sự phát triển tín lý lịch sử này, mặc dù luận lý đó không thể rút gọn thành tam đoạn luận. Tiêu chuẩn này quan trọng như một phản ứng đối với những người đề xuất những tín lý không có bảo đảm lịch sử trước đó, chẳng hạn như các nữ linh mục hoặc các hành vi tình dục theo truyền thống bị coi là tội lỗi. Những đề xuất này không hợp lý **khi** hạ thấp mọi bằng chứng lịch sử trước đó.

Dự ứng tương lai

Newman đưa ra tiêu chuẩn thứ năm là dự ứng tương lai. Tiêu chuẩn này tương tự như tiêu chuẩn trước - tiêu chuẩn bắt nguồn từ những gì đã được nắm giữ trước đó một cách hợp lý và được dự ứng như thế trong tương lai. Tuy nhiên, Newman ở đây muốn nhấn mạnh đến việc câu thánh thư nào, các Giáo phụ, hay tư tưởng của các nhà thần học nào trước đây từng dạy dỗ. Ngoài ra, sự phát triển tín lý này có thể cũng đã ẩn giấu trong những tuyên bố mang tính tín điều trước đó. Chẳng hạn, theo truyền thống Tây phương Latinh, Chúa Con được tuyên bố là Con được Chúa Cha sinh ra, và Chúa Cha yêu Chúa Con trong tình yêu của Chúa Thánh Thần và Chúa Con yêu Chúa Cha trong cùng một tình yêu của Chúa Thánh Thần. Do đó, theo Thánh Augustinô, Tôma Aquinô, và truyền thống tiếp theo, Chúa Thánh Thần được tuyên bố về mặt tín lý là nhiệm xuất [proceeds] từ Chúa Cha và Chúa Con. Vì vậy, những gì ban đầu được tin là động lực thúc đẩy thần học cho những gì sẽ xảy

ra vào thời điểm tương lai. Điều được quan sát ở đây là những gì được phát triển về mặt tín lý trong quá khứ sẽ nên trọn trong những gì sẽ được khai triển về mặt tín lý trong tương lai, do đó xác nhận lẫn nhau tính xác thực về mặt tín lý của cả hai.

Hành động bảo thủ về quá khứ

Hai tiêu chuẩn trên dẫn Newman tới tiêu chuẩn thứ sáu – hành động bảo thủ đối với quá khứ. Đối với Newman, vì những phát triển học thuyết trước đây đã được chứng thực nên chúng không thể bị đánh giá là sai lầm hoặc sai lạc trong tương lai. Tiêu chuẩn này đặc biệt phù hợp với tình hình Giáo Hội hiện nay. Những người đề xuất những thay đổi triệt để về mặt tín lý, những thay đổi không phù hợp với những phát triển trước đó, không thể đúng, vì họ sẽ đi ngược lại chân lý của những tín lý đã có trước đó. Đối với Newman, sự phát triển tín lý Kitô giáo có nghĩa là những gì được tin tưởng về mặt tín lý trước đây sẽ được làm sáng tỏ và nâng cao. Sự phát triển giáo lý không phải là sự thay đổi triệt để niềm tin vào một điều gì đó hoàn toàn khác. Do đó, Newman sẽ kiên quyết phản đối quan niệm đương đại về sự thay đổi mô hình tín lý trong đó không có mối quan hệ tín lý nào giữa quá khứ và hiện tại. Sự hiểu biết như vậy chỉ đơn giản là xóa bỏ những tín lý trước đó và sự phát triển của chúng. Cuối cùng, sự thay đổi mô hình như vậy đã nhường chỗ cho thuyết tương đối, trong đó sự thật lâu dài không còn hiện hữu. Như đã lưu ý trước đây, những gì người ta theo đuổi chỉ đơn thuần là ý thức hệ (Zeitgeist) đương thời, và như người ta thường nói, "Ai kết hôn với ý thức hệ ngày nay sẽ nhanh chóng trở thành góa phụ". Vì vậy, các giám mục, hồng y, linh mục và các nhà thần học đã theo đuổi những mốt nhất thời ngày nay cần phải suy nghĩ lại một cách nghiêm túc quan điểm của mình kẻo họ sẽ sớm bị chế nhạo và chế giễu là những người theo chủ nghĩa nghiêm khắc không khoan nhượng, lạc hậu. Tuy nhiên, sự thật tín lý và sự phát triển đích thực của nó luôn luôn có liên quan. Chúng không bao giờ lỗi mốt, như Newman biết rõ.

Sức sống đã thành thói quen

Nguyên tắc trên dẫn đến tiêu chuẩn thứ bảy và cũng là tiêu chuẩn cuối cùng của Newman – đó là sức sống bền bỉ. Newman tri nhận đúng đắn rằng các tà giáo chỉ sống một thời gian ngắn trong điều chúng giải quyết mầu nhiệm chứa đựng trong tín lý. Thí dụ, để bảo vệ sự duy nhất của Thiên Chúa, Ariô đã phủ nhận việc Chúa Con thực sự là Thiên Chúa, Người chỉ là tạo vật cao nhất. Khi làm như vậy, ông bảo tồn sự duy nhất của Thiên Chúa, nhưng xóa bỏ mầu nhiệm Ba Ngôi. Không còn gì có thể được khai triển thêm nữa - tất cả những gì có thể biết bây giờ đã được xác định. Tuy nhiên, Công đồng Nixêa, khi tuyên bố rằng Con Thiên Chúa đồng bản thể với Chúa Cha, mầu nhiệm Ba Ngôi không những được bảo tồn mà còn cho phép những phát triển trong tương lai trong việc hiểu bản chất của Ba Ngôi – mầu nhiệm chứa đựng sức sống thâm căn của nó, phù hợp với nguyên tắc Newman. Sức sống này cũng được tìm thấy trong lời dạy của Thánh Tôma rằng Ba Ngôi là những mối quan hệ tồn hữu, nghĩa là các vị tồn hữu hoặc hiện hữu như chính các vị là chỉ trong mối quan hệ với nhau. Chúa Cha hiện hữu như Chúa Cha trong mối liên hệ với Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Chúa Con hiện hữu như Chúa Con trong mối tương quan với Chúa Cha

và Chúa Thánh Thần. Và Chúa Thánh Thần hiện hữu như Chúa Thánh Thần trong mối tương quan với Chúa Cha và Chúa Con. Như thế, điều cần phải hiểu ở đây là sự phát triển tín lý không phải là việc giải quyết một vấn đề hay câu hỏi hóc búa thần học. Đúng hơn, việc phát triển tín lý bao gồm việc làm sáng tỏ thêm một mầu nhiệm để nắm bắt rõ ràng hơn bản chất của mầu nhiệm. Mầu nhiệm có thể được cảm nhận rõ ràng hơn nhưng nó vẫn tiếp tục là một mầu nhiệm không thể hiểu được. Người ta biết đầy đủ hơn mầu nhiệm là gì, nhưng bản thân mầu nhiệm vẫn không thể hiểu thấu. Bằng cách tiếp tục không thể hiểu thấu, mầu nhiệm tiếp tục sở hữu sức mạnh lâu dài của nó – sự cởi mở của nó cho sự hiểu biết có tính phát triển sâu sắc hơn.

Một lần nữa, vì môi trường giáo hội ngày nay, các thượng hội đồng, giám mục, linh mục và các nhà thần học, khi đề xuất các học thuyết mới nhằm trình bày rõ ràng những giáo huấn trái ngược với các mầu nhiệm đức tin cổ xưa, đã rơi vào một sai lầm kép liên quan hỗ tương với nhau. Đầu tiên, họ không nhận ra sức mạnh phát triển lâu dài ẩn chứa trong những mầu nhiệm mà họ mong muốn thay thế. Thứ hai, điều họ khuyến nghị như những thay thế không còn mang lại sự sống nữa, vì chúng không chứa đựng sự thật của Tin Mừng ban sự sống. Thí dụ, một số người đề xuất rằng những người đã kết hôn theo bí tích nhưng hiện đã ly hôn được phép, khi tái hôn, nhận lãnh Bí tích Thánh Thể, có thể coi là một giải pháp thương xót để giải quyết một tình huống đáng buồn, và, khi làm như vậy, có thể được gọi một cách chính đáng là một sự phát triển tín lý. Tuy nhiên, điều được coi như giải pháp này chấm dứt bản chất bí tích bất khả tiêu của hôn nhân. Hơn nữa, nó làm suy yếu tính thánh thiêng của Bí tích Thánh Thể, nghĩa là, một người về phương diện khách quan đang ở trong tình trạng tội trọng, và do đó không hiệp thông sống động với Chúa Kitô và Giáo hội của Người, tuy nhiên, được phép rước lễ. Điều này khinh miệt sự thật này là để rước Chúa Giêsu, người ta phải hiệp thông với Người và với thân thể của Người là Giáo hội. Việc dự Tiệc Thánh trở thành một lời nói dối được thực hiện. Người ta dường như đang hiệp thông sống động với Giáo hội, trong khi thực tế thì không phải vậy. Vì vậy, giải pháp có vẻ mục vụ này không phải là một sự phát triển về mặt tín lý, mà là một giải pháp dung túng tội lỗi, vi phạm bí tích hôn nhân và lạm dụng tính thánh thiêng của Bí tích Thánh Thể.

Kết luận

Tiểu luận này cố gắng đưa ra, dưới ánh sáng giảng dạy của Đức Hồng Y John Henry Newman, một sự hiểu biết xác thực và đúng đắn về bản chất của sự phát triển tín lý. Đồng thời, nó cũng cố gắng phê phán những quan niệm sai lầm đương thời về sự phát triển tín lý, đặc biệt là những quan niệm được đề xuất bởi một số giám mục, linh mục và nhà thần học trong giáo hội ngày nay. Những đề xuất sai lầm như vậy có thể gây ra sự nhầm lẫn giữa các tín hữu, giáo sĩ cũng như giáo dân, tuy nhiên những tín hữu hiểu biết và tin tưởng vào đức tin của mình sẽ không bị lầm lạc hay lừa dối. Theo bản năng, nhờ đức tin của mình, họ sẽ biết đâu là sự phát triển tín lý thực sự và đâu là giả, vì Thánh Thần của sự thật ngự trong lòng và trí khôn họ. Hơn nữa, họ có được sự bảo đảm, như người trở lại đạo Newman biết rõ, rằng Chúa Giêsu sẽ không bao giờ từ bỏ giáo hội không thể sai lầm của Người – Đấng phán xét cuối cùng về tín lý Kitô giáo và sự phát triển của nó.